

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HC-ST
Ngày: 24-8-2020
V/v: Kiện quyết định giải quyết
khiều nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Thí và ông Nguyễn Xuân Thạch

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HC ngày 21/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2020/QĐXXST-HC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần B, địa chỉ: thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Giám đốc Sở L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Hồ Tân C - Phó Giám đốc Sở L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Trần B trình bày: Năm 1945, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, ông tham gia thanh niên cứu quốc. Ông tham gia vào đội du kích bí mật, thực hiện việc rải truyền đơn, đào hầm, bốc vác.

Năm 1948, việc bị lộ nên ông bị địch bắt về đồn Xuân Dục tra tấn. Địch dùng lưỡi lê đâm vào lưng, chân và vai của ông, sau đó chúng lấy vòng sắt nung nóng dí vào bụng làm ông bị ngất. Sau đó 01 tháng thì ông được địch thả ra. Tháng 7/1949, ông được tuyển vào ngành giáo dục phổ thông và làm giáo viên,

hiệu trưởng các trường trong huyện Q, huyện T cho đến khi nghỉ hưu.

Ông thấy rằng bản thân đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, có bản khai cá nhân được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận ngày 20/12/2016, Biên bản đề nghị xác nhận thương binh của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể xã X xác nhận lập ngày 02/8/1996 nên đủ điều kiện để được hưởng chính sách như thương binh.

Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 kết luận ông không có một trong các giấy tờ gốc để chứng minh quá trình công tác và bị bắt giam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTB&XH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân là không đúng theo quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi của ông.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày (theo Công văn số 1014/UBND-NC ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình):

Nội dung ông Trần B, trú tại thôn P, xã X, huyện Q khiếu nại về chế độ người hưởng chính sách như thương binh đã được thụ lý, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

Giám đốc Sở L, tỉnh Quảng Bình thụ lý, ban hành Quyết định số 241/QĐ-SLĐTBH ngày 17/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu): Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần B.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết lần hai số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/ (lần 2): Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần B về chế độ người hưởng chính sách như thương binh.

Căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không công nhận khiếu nại:

- Ông Trần B tự khai tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương từ tháng 8/1945 đến tháng 7/1949, bị Pháp bắt ngày 18/11/1948 tại đồn Xuân Dục, bị tra tấn dã man và để lại vết thương thực thể, nhưng hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội của ông do Sở Thương binh Xã hội tỉnh Bình Trị Thiên lập ngày 01/11/1987 không ghi nhận thời gian hoạt động cách mạng, bị bắt, bị thương của ông Trần B như đã khai.

Ông Trần B không có một trong các giấy tờ được xác lập từ ngày 31/12/1994 trở về trước có ghi nhận bị tù đày và vết thương thực thể (lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân hoặc hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội) nên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận bị thương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTB&XH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

- Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận bị thương cho ông Trần B chỉ căn cứ vào hồ sơ tự khai và các loại giấy tờ xác lập sau ngày 31/12/1994 là

không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTB&XH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Từ các căn cứ trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên nội dung Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần B trú tại thôn P, xã X, huyện Q (lần 2) và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của Giám đốc Sở L trình bày:

Sau khi nhận được khiếu nại của ông Trần B, Giám đốc Sở L đã quyết định thành lập Tổ xác minh và đã có Quyết định số 241/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), với nội dung: không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần B và giữ nguyên Công văn số 1262/SLĐTBXH-NCC ngày 14/9/2019 của Sở L về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Q thu hồi Giấy chứng nhận bị thương số 13/GCC-UBND ngày 13/3/2018 đối với ông Trần B.

Căn cứ để Giám đốc Sở L không công nhận nội dung đơn khiếu nại:

- Ông Trần B không cung cấp được một trong các giấy tờ được xác lập từ ngày 31/12/1994 trở về trước có ghi nhận bị tù đầy và vết thương thực thể như: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân hoặc hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận bị thương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTB&XH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

- Ông Trần B không cung cấp được kết quả chiếu, chụp và kết luận của bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc bệnh viện quân đội, công an khẳng định còn di vật kim khí trong cơ thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của liên bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng.

Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh để xem xét, xét xử án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Trần B giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Ông B cho rằng theo Thông tư số 28/2013 thì ông có đủ điều kiện để được hưởng chính sách như thương binh vì việc ông hoạt động cách mạng từ năm 1945 đến 1948 bị địch bắt, tra tấn có năm người làm chứng, trong đó có hai người xác nhận thời điểm ông bị bắt, bị thương; Ông đã có hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội xác nhận ông có thời gian hưởng bảo hiểm là 16 năm 3 tháng, nếu không có giấy tờ gốc thì ông thuộc đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định 290/QĐ năm 2005 của Thủ tướng chính phủ. Trong hồ sơ đề nghị tặng huân huy chương, Ban thi đua khen thưởng tỉnh đã có xác nhận ông Trần B có bốn năm kháng chiến chống Pháp. Với việc bị địch dùng lưới lê, sắt nung để tra tấn thì làm sao có di vật kim khí trong người. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần B

- Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên

quan điểm đã trình bày tại Công văn số 1014/UBND-NC về việc ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

- Người đại diện theo uỷ quyền của Giám đốc Sở L tỉnh Quảng Bình trình bày: năm 2016, Phòng L trình hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ như thương binh cho ông Trần B, Sở L nhận thấy việc UBND huyện Q cấp giấy chứng thương cho ông Trần B là không có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 05/2013; Ông B không có các giấy tờ gốc theo ngoài hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội nhưng theo hồ sơ thì không thấy phản ánh quá trình tham gia cách mạng của ông Trần B. Vì vậy, Sở đã không thụ lý hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ cho ông B bà đề nghị UBND huyện thu hồi việc cấp giấy chứng thương đối với ông B. Sở vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần B là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Đơn khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Giám đốc Sở L tỉnh Quảng Bình, người khiếu nại tiếp tục khiếu nại lần hai. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với Quyết định số 241/QĐ-SLĐTBH ngày 17/01/2019 của Giám đốc Sở L là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền theo khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại 2011.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông Trần B, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn xác minh khiếu nại, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tiến hành đối thoại với ông Trần B. Căn cứ vào các quy định, xét đơn khiếu nại của ông Trần B và kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Đoàn xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần B là đúng quy

định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quy định tại Mục 3 Luật khiếu nại 2011.

[2.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hồ sơ tự khai của ông Trần B thì ông tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 8/1945 đến tháng 7/1949; ông bị địch bắt và tra tấn tháng 11/1948; Có vết thương thực thể. Trường hợp ông B thuộc điều kiện xác nhận thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ. “Hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tra tấn vẫn không khuất phục, kiên quyết đấu tranh, để lại thương tích thực thể”. Theo Điều 16 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH (Hướng dẫn thi hành nghị định 31) thì hồ sơ xác nhận và giải quyết chế độ gồm giấy chứng nhận bị thương; Giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương; biên bản giám định thương tật và Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh. Trường hợp bị thương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định 31/2013/NĐ-CP thì việc cấp giấy chứng nhận bị thương phải căn cứ vào một trong các giấy tờ được lập từ 31/12/1994 trở về trước có ghi nhận bị tù đầy và vết thương thực thể như lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân hoặc hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (khoản 2 Điều 17 thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH).

Ông B không có lý lịch cán bộ, không có lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, chỉ có hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, theo hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội của ông B thì từ tháng 7 năm 1949 đến tháng 1/1962 ông B công tác trong ngành giáo dục với thời gian được quy đổi để tính hưởng bảo hiểm là 16 năm 3 tháng, không phản ánh quá trình tham gia cách mạng từ tháng 8 năm 1945 đến 7/1949. Ông B cũng không có các giấy tờ khác ghi nhận bị tù đầy và có vết thương thực thể được xác lập trước 31/12/1994 như giấy được cấp khi bị thương, phiếu chuyển thương, chuyển viện, bệnh án điều trị, giấy ra viện, phiếu sức khỏe, sổ sức khỏe. Như vậy, việc UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận bị thương cho ông B là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17 thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH.

Ông B cho rằng, mặc dù hồ sơ hưởng bảo hiểm của ông không phản ánh quá trình tham gia cách mạng nhưng ông là đối tượng đang hưởng chế độ theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ nên căn cứ để chứng minh tham gia cách mạng thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 28/2013/TTLT của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng “*Đối với người hoạt động không thoát ly và sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước thì phải có bản khai chi tiết quá trình tham gia cách mạng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú*”. Lập luận của ông B nêu trên là không đúng ở chỗ ông có hồ sơ bảo hiểm xã hội nhưng hồ sơ không ghi nhận quá trình tham gia cách mạng của ông chứ không thuộc trường

hợp là không còn giấy tờ; Những đối tượng được hưởng chế độ theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTG là những đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, không có căn cứ để chứng minh ông B có tham gia kháng chiến chống Pháp và những đối tượng thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 28/2013 phải là những người hoạt động không thoát ly và sau đó không tiếp tục tham gia tại các cơ quan nhà nước, ông B có tham gia dạy học và quá trình công tác đã được thể hiện ở hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy ông B không đủ điều kiện để được hưởng chế độ chính sách như thương binh nên việc Sở L không thụ lý giải quyết chế độ cho ông và việc Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 là có căn cứ. Vì vậy, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần B.

[3] Về án phí: ông Trần B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật khiếu nại 2011; Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ, thông tư 05/2013 và thông tư 28/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 31; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Bác đơn khởi kiện ông Trần B yêu cầu tuyên huỷ Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần B trú tại thôn P, xã X, huyện Q (lần 2).

2. Về án phí: ông Trần B được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do toà án tổng đạt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Toà HC; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương